

Bản án số: **14/2021/HN - ST**
Ngày: 18/02/2021
V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Cương và bà Hồ Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 334/2020/TLST - HNGĐ ngày 23/11/2020 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXX - HN ngày 25/01/2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ng (Hong Ng), sinh năm: 1980. (*Có mặt*)

* *Bị đơn:* Anh Lê Công K, sinh năm: 1977. (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Ấp X Q, xã Th H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án Ng đơn chị Trần Thị Ng (Hong Ng) trình bày và yêu cầu như sau:* Chị và anh Lê Công K chung sống với nhau từ năm 1999. Trước khi chung sống thì anh chị có tìm hiểu nhau trước rồi cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân và có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định, đã được UBND xã Th H cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/10/1999.

Sau khi đám cưới, anh chị sinh sống tại ấp X Q, xã Th H cho đến năm 2018 thì chị và anh K ly thân cho đến nay.

Trong quá trình vợ chồng chung sống thì anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay cự cãi, anh K ham chơi, thường ăn nhậu không quan tâm lo lắng cho vợ con và hay ghen tuông vô cớ, chửi mắng chị Ng những lời lẽ thô tục và xúc phạm

đến cha mẹ chị Ng. Chị Ng cố gắng chịu đựng nhưng anh K vẫn không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và tình cảm giữa anh chị không thể hàn gắn được nữa.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung cháu Lê Cẩm T, sinh ngày 20/3/2000 và cháu Lê Công T1, sinh ngày 15/9/2002. Hiện nay 02 cháu đã trưởng thành.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có phát sinh.

Nay, chị xét thấy hôn nhân giữa chị và anh K không thể hàn gắn và cũng không thể kéo dài nên chị yêu cầu:

- *Về hôn nhân*: Yêu cầu được ly hôn với anh Lê Công K.

- *Về con chung*: 02 con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Công K trình bày*: Anh K xác nhận, anh và chị Ng tiến đến hôn nhân là do cả hai có tìm hiểu nhau trước và tự nguyện đi đến hôn nhân, anh chị có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định và đã được UBND xã Th H cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/10/1999. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp nhau về tính cách và vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay là đúng.

Nay, chị Ng yêu cầu ly hôn, ý kiến anh như sau:

- *Về hôn nhân*: Anh K đồng ý ly hôn với chị Ng.

- *Về con chung*: 02 con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

* *Tại phiên tòa*:

- *Chị Ng*: Yêu cầu được ly hôn với anh K; 02 con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết; tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

- *Anh K*: Vắng mặt.

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định; phía bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Ng được ly hôn với anh K; án phí chị Ng chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Trần Thị Ng (Hồng Ng) khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Công K là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi chị Ng khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì anh K đang cư trú và sinh sống tại ấp X Q, xã Th H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, anh K có đơn xin xét xử vắng mặt vào ngày 15/01/2021 nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh K và qua yêu cầu của các đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “*Ly hôn*”.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Ng và anh K chung sống với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Th H cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/10/1999 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị Ng về việc ly hôn với anh K, HĐXX xét thấy qua lời trình bày của chị Ng và anh K xác nhận, trong quá trình chung sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm và thường hay cự cãi không hàn gắn được nên anh chị đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Qua xác minh tại nơi cư trú, cho thấy trong thời gian sinh sống tại địa phương giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên bất đồng quan điểm là đúng. Đồng thời, anh K cũng đồng ý ly hôn với chị Ng nhưng tại phiên tòa anh K vắng mặt nên HĐXX không thể ghi nhận việc anh chị thuận tình ly hôn.

Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Ng và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho chị Ng được ly hôn với anh K.

[3] *Về quan hệ con chung*: Chị Ng và anh K xác nhận, vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Cẩm T (*sinh ngày 20/3/2000*) và cháu Lê Công T1 (*sinh ngày 15/9/2002*), hiện nay các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Trong quá trình giải quyết, chị Ng và anh K xác nhận không có tranh chấp nên HĐXX không xem xét. Nhưng sau khi ly hôn,

trường hợp có phát sinh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị vẫn có nghĩa vụ liên đới.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Ng phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Trần Thị Ng (Hồng Ng) được ly hôn với anh Lê Công K.

2/ *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Trần Thị Ng (Hồng Ng) chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu 0006131 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Chị Ng đã nộp án phí xong.

3/ *Quyền kháng cáo*: Chị Ng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*ngày 18/02/2021*).

Riêng anh K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- UBND xã **Tuận H**;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Linh